TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8- HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **132**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 22/6/2026
V/v tranh chấp:"Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8- HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Thành Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tiên Hà Thanh, bà Nguyễn Thị Tươi.

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8- Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8- Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Tiêu Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2026, tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 8- Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 365/2026/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2026 về tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111A/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Hoàng C, sinh năm 1984. CCCD: 030084009141 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 20/5/2023. HKTT và cư trú: TDP Đ, phường T, thành phố Hải Phòng.

- Bị đơn: Chị Phạm Thị L, sinh năm 1985; CCCD: 030185003201 do Cục cảnh sát đăng ký, quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia cấp ngày 10/8/2016. Nơi cư trú cuối cùng: TDP Đ, phường T, thành phố Hải Phòng. Bị Toà án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 03/2026/QĐST-VDS ngày 03/4/2026.

Anh C vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; chị L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn anh Phạm Hoàng C trình bày:

Anh và chị Phạm Thị L được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 20/01/2006 tại UBND xã L, huyện G, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường T, thành phố Hải Phòng). Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại TDP Đ, phường T, thành phố Hải Phòng. Cuối năm 2019 do công việc không thuận lợi nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn về vấn đề kinh tế. Chị L đã bỏ nhà đi

từ khoảng tháng 2/2020, ba ngày đầu sau khi bỏ đi chị L có liên lạc về nhà nhưng sau đó thì mất liên lạc hẳn. Gia đình anh đã áp dụng mọi biện pháp tìm kiếm trên các phương tiện thông tin đại chúng cũng như trực tiếp tìm kiếm nhiều nơi nhưng vẫn không có kết quả. Anh C đã đề nghị Toà án nhân dân khu vực 8- Hải Phòng giải quyết việc dân sự tuyên chị Phạm Thị L mất tích. Ngày 03/4/2026 Toà án nhân dân khu vực 8- Hải Phòng ra Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 03/2026/QĐST-VDS ngày 03/4/2026 tuyên bố chị Phạm Thị L mất tích. Từ thời điểm đó đến nay gia đình anh cũng không có tin tức gì của chị L. Nay xác định vợ chồng không có cơ hội hàn gắn đoàn tụ, thời gian ly thân của vợ chồng đã lâu, để thuận tiện trong các giao dịch dân sự anh đề nghị toà án giải quyết cho chị được ly hôn chị L.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là Phạm Thị Khánh L1, sinh ngày 16/12/2006 và Phạm Đức T, sinh ngày 20/10/2011. Cháu L1 hiện đang sinh sống tại Nhật Bản, cháu T đang ở với anh C. Anh đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, nợ, công sức đóng góp cho gia đình hai bên: Không có, không đề nghị toà án giải quyết.

Bị đơn chị Phạm Thị L đã bị Toà án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng tuyên bố mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 03/2026/QĐST-VDS. Kể từ khi Tòa án tuyên bố chị L mất tích đến nay, gia đình không có tin tức gì của chị L. Vì vậy, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật và không tiến hành hoà giải. Đến ngày mở phiên tòa, chị L vẫn vắng mặt. Tòa án căn cứ vào tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các tài liệu thu thập được để giải quyết vụ án.

Tại biên bản lấy lời khai ông Phạm Văn C1 và bà Hoàng Thị M đều thống nhất trình bày:

Ông, bà là bố mẹ đẻ của anh Phạm Hoàng C và là bố mẹ chồng của chị Phạm Thị L. Điều kiện và thời gian kết hôn của hai vợ chồng như anh C trình bày là hoàn toàn đúng. Năm 2020 gia đình ông bà xảy ra biến cố, kinh tế sa sút nên vợ chồng anh C phải bán nhà để trang trải cuộc sống. Kể từ thời điểm đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đầu năm 2020 chị L bỏ nhà đi không thông báo gì với gia đình. Từ khi chị L bị Toà án khu vực 8- Hải Phòng tuyên bố mất tích đến nay, gia đình ông bà không có tin tức gì của chị L. Nay anh C đề nghị Toà án giải quyết ly hôn, đề nghị toà án giải quyết theo quy định của pháp luật để anh C sớm ổn định cuộc sống.

Theo biên bản xác minh tại Công an phường T thể hiện: Chị Phạm Thị L sinh ngày 5/3/1985 có HKTT tại xã L huyện G, tỉnh Hải Dương nay là phường T, thành phố Hải Phòng. Đến ngày 20/4/2024 công dân đã bị xóa ĐKHKTT tại địa phương lý do vắng mặt từ 12 tháng trở lên, hiện nay không có tin tức gì.

Tại công văn phúc đáp số 4190/XNC - Đ1 ngày 03/12/2025, Phòng quản lý xuất nhập cảnh - Công an thành phố H xác định: Không có thông tin xuất nhập cảnh của chị Phạm Thị L sinh ngày 05/3/1985, số CCCD 030185003201. Nơi cư trú cuối cùng: TDP Đ, phường T, thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8- Hải Phòng phát biểu ý kiến việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá trình thu thập chứng cứ, tiến hành tố tụng tại phiên toà chấp hành đúng qui định của BLTTDS; người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng, bị đơn chưa chấp hành đầy đủ qui định của pháp luật. Về đường lối giải quyết vụ án, Đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Hoàng C, xử cho anh C ly hôn với chị Phạm Thị L; Về quan hệ con chung: Giao con Phạm Đức T, sinh ngày 20/10/2011 cho anh Phạm Hoàng C chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm gặp con, không ai được cản trở thực hiện quyền này. Về tài sản chung, công sức, nợ: không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết. Về án phí: Anh Phạm Hoàng C phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn và nuôi con, nơi cư trú cuối cùng của bị đơn tại phường T, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8- Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án án nhân dân Tối Cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền vủa các Tòa án nhân dân. Nguyên đơn, bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt *(nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt)*. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Hoàng C và chị Phạm Thị L được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại 20/01/2006 tại UBND xã L, huyện G, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường T, thành phố Hải Phòng; đây là hôn nhân hợp

pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống một thời gian đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về kinh tế. Ngày 03/4/2026 Toà án nhân dân khu vực 8- Hải Phòng ra Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 03/2026/QĐST-VDS tuyên bố chị Phạm Thị L mất tích. Từ thời điểm đó đến nay cũng không ai có tin tức gì của chị L ngược lại chị L chưa lần nào chủ động liên lạc với gia đình. Nhận thấy, đời sống hôn nhân giữa anh C và chị L không tồn tại trên thực tế, chị L đã bị Toà án tuyên bố mất tích, nên căn cứ khoản 2 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giải quyết cho anh Phạm Hoàng C được ly hôn chị Phạm Thị L.

[2.2]. Về con chung: Anh C, chị L có hai con chung là Phạm Thị Khánh L1, sinh ngày 16/12/2006 và cháu Phạm Đức T, sinh ngày 20/10/2011. Cháu L1 hiện đang sinh sống tại Nhật Bản, cháu T đang ở với anh C. Kể từ khi chị L bỏ đi cho đến nay, anh C là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Cháu Phạm Đức T có nguyện vọng ở với bố. Căn cứ điều 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao con Phạm Đức T cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên, chấp nhận sự tự nguyện của anh C không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3]. Tài sản chung, *nợ chung*, *công sức chung:* Anh C không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Án phí: Anh Phạm Hoàng C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luât.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án án nhân dân Tối Cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền vủa các Tòa án nhân dân; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về hôn nhân: Xử anh Phạm Hoàng C được ly hôn chị Phạm Thị L

[2]. Về con chung: Giao con chung Phạm Đức T, sinh ngày 20/10/2011 cho anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của anh C không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung, nợ và công sức: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[4]. Về án phí: Anh Phạm Hoàng C phải chịu 300.000đ tiền án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ tiền tạm ứng án phí anh C đã nộp theo biên lai thu số 0004854 ngày 23 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh C đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

[5]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Phòng TTHA.DS KV8- Hải Phòng;
- Các đương sự (nguyên đơn, bị đơn);
- UBND phường Thạch Khôi, thành phố Hải Phòng để ghi vào sổ hộ tịch; ĐKKH số 09/2006 ngày 20/01/2006
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thành Hưng